

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18-11-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Kim Thanh;

Ông Nguyễn Văn Thượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hằng N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 2, ấp 4, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 1, ấp 4, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1950; nơi cư trú: Tổ 1, ấp 4, xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị Hằng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh H sống chung với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SD, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh ngày 19-10-2004, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian sống chung đến khoảng năm 2007 giữa vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không lo làm ăn, thường xuyên hay uống rượu về nhà đánh đập chị. Sự việc kéo dài đến năm 2016, chị có nộ đơn

yêu cầu xin ly hôn với anh H tại Tòa án huyện Tân Châu, tuy nhiên sau khi hòa giải anh H năn nỉ đoàn tụ, vì thương con nên chị rút đơn để tiếp tục chung sống với anh H, nhưng anh H không thay đổi mà còn thường xuyên ghen tuông, xúc phạm, đánh đập chị. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với anh H được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Trung H, sinh ngày 04-11-2001. Hiện nay cháu H đã thành niên (đủ 18 tuổi), cháu muốn sống với ai thì tùy ý cháu, chị không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu độc lập của bà M thì chị không đồng ý, vì chị không có vay tiền của bà M như bà trình bày, tại thời điểm bà M cho rằng chị vay tiền thì anh H là người quản lý tiền và chi tiêu trong gia đình, chị không quản lý nên bà M trình bày là không đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn H có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình của chị N về thời gian sống chung, thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn không như chị N trình bày, anh thừa nhận vào năm 2016 vợ anh có nộp đơn ly hôn tại Tòa án huyện Tân Châu, nguyên nhân do cháu anh phát hiện chị N đi uống cà phê với người khác giới tại nơi không được trong sáng nên anh có hù dọa đánh đập chị N và có đập phá đồ gia dụng trong nhà. Sau đó, Tòa án mời đến hòa giải và chị N rút đơn khởi kiện.

Nguyên nhân nay chị N yêu cầu ly hôn do anh phát hiện có người đàn ông lạ đến nhà thường xuyên, do đó anh nghi ngờ chị N có quan hệ bất chính với người khác nên vợ chồng mới xảy ra cãi vã, anh có đập đồ gia dụng trong gia đình chứ không đánh cũng như xúc phạm chị N. Vợ chồng anh mâu thuẫn đã được cha, mẹ hai bên khuyên ngăn nhưng không có kết quả. Nay anh nhận thấy còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con họ tên, ngày tháng năm sinh như chị N trình bày, hiện nay cháu H đã thành niên (đủ 18 tuổi), nếu ly hôn anh không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Đối với yêu cầu độc lập của bà M thì anh có nghe bà M nói cho chị N vay số tiền 30.000.000 đồng nhưng chị N không nói với anh, tại thời điểm vay tiền, chị N là người quản lý tiền và chi tiêu trong gia đình, anh không quản lý nên không biết chị N vay dùng vào mục đích gì. Nay bà M yêu cầu một mình chị N trả số tiền trên, anh không ý kiến.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị M và trong quá trình giải quyết vụ án bà M có ý kiến:

Bà là mẹ ruột của anh H, mẹ chồng của chị N. Trong năm 2018 bà có cho chị N vay số tiền 30.000.000 đồng, khi vay không lập giấy tờ gì, không thỏa thuận tiền lãi và thời hạn trả. Bà là người trực tiếp giao tiền cho chị N, khi giao tiền có mặt cháu ngoại bà tên Đoàn Hoàng Giang; mục đích vay tiền chị N dùng vào việc bán quán ăn

uống. Nguồn tiền cho vay là do bà vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tân Châu số tiền 60.000.000 đồng và cho chị N vay 30.000.000 đồng, còn lại cho Đoàn Hoàng G vay. Nay vợ chồng chị N ly hôn, bà yêu cầu một mình chị N trả số tiền gốc 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi; không yêu cầu anh H cùng chị N trả tiền này, vì chị N tự quản lý, sử dụng tiền này mà không cho anh H biết.

Tại phiên tòa:

- Chị Vũ Thị Hằng N bổ sung thêm nguyên nhân mâu thuẫn là sau khi Tòa án hòa giải đến ngày 12-11-2019 khi chị đi làm về, anh H chạy xe phía sau tông vào xe chị làm chị té ngã bị xây xát nhẹ nên nay vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung và không đồng ý trả cho bà M 30.000.000 đồng.

- Anh Phan Văn H thừa nhận có tông vào xe chị N như chị trình bày, nay anh đồng ý ly hôn với chị N; về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Đối với phần nợ 30.000.000 đồng của bà M, anh đồng ý cùng chị N mỗi người có trách nhiệm trả cho bà M $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trên.

- Bà Ngô Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập là chỉ yêu cầu một mình chị N trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Bà trình bày thêm là số tiền trên bà cho chị N vay từ khoảng năm 2014 cho đến nay.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy giữa chị N và anh H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến ly thân từ tháng 8-2018 cho đến nay không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa anh H đồng ý ly hôn với chị N và anh chị không yêu cầu giải quyết con chung, tài sản chung, nợ chung nên cần ghi nhận; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà M có yêu cầu độc lập nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của bà nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử theo hướng:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Hằng N và anh Phan Văn H.

- Về nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N, anh H không yêu cầu giải quyết.

- Về yêu cầu độc lập của bà M: Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị M yêu cầu một mình chị Vũ Thị Hằng N phải có nghĩa vụ trả số tiền vay 30.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Hằng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Hằng N và anh Phan Văn H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, hôn nhân giữa anh, chị là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án anh H không đồng ý ly hôn với chị N với lý do giữa vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm và quan tâm đến chị N mong được đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh H tự nguyện đồng ý ly hôn với chị N, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về nuôi con chung: Chị N và anh H có 01 người con tên Phan Trung H, sinh ngày 04-11-2001, hiện cháu H đã thành niên (đủ 18 tuổi), chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 31-10-2019 bà Ngô Thị M có đơn khởi kiện độc lập yêu cầu một mình chị Vũ Thị Hằng N phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ vay 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N không thừa nhận có vay tiền của bà M và Bà M không có chứng cứ, chứng minh có cho chị N vay số tiền trên mà chỉ có lời khai của anh Đoàn Hoàng Giang, cháu ruột của bà M là không khách quan nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu độc lập của bà M.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Hằng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Ngô Thị M là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 của của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Hằng N và anh Phan Văn H.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận cháu Phan Trung H, sinh ngày 04-11-2001 đã thành niên (đủ 18 tuổi) chị N, anh H không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận chị N và anh H không yêu cầu giải quyết.

4. Về yêu cầu độc lập: Không chấp nhận yêu cầu độc của bà Ngô Thị M yêu cầu chị Vũ Thị Hằng N có nghĩa vụ trả số tiền vay 30.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0015381 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Hằng N, anh Phan Văn H, bà Ngô Thị M có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã SD;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc

